

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Xuân Thìn

Ông Nguyễn Hữu Đệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 513/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy G, sinh năm 198x

Cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

Bị đơn: Anh Đặng Văn P, sinh năm 198X.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã P, huyện P, Thành phố H.

Nơi ở: Thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

Có mặt chị G, vắng mặt anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ly hôn và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy G trình bày: Chị xây dựng gia đình với anh Đặng Văn P trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, Thành phố H. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, hai vợ chồng thuê nhà sống ở quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội được một thời gian thì về sống tại thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng nhau, hay cãi chửi nhau, cuộc sống chung không còn hòa hợp hạnh phúc. Từ tháng 8/2017 đến nay hai vợ chồng ở riêng và sống ly thân. Anh P cùng con ở trên nhà đất do hai vợ chồng mua và xây dựng tại

thôn C, còn chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã T sống, vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau.

Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và địa phương hòa giải nhưng không được. Tháng 2 năm 2018, xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau nên chị đã làm đơn gửi Tòa án xin ly hôn anh P. Được Tòa án hòa giải, chị đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 06/6/201x. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu H chủ yếu sống cùng anh P, thỉnh thoảng chị có đưa con về nhà bố mẹ đẻ chơi. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu H, anh P cũng có nguyện vọng được nuôi cháu H. Cháu H hiện nay đang sống ổn định cùng anh P và bà nội nên chị đồng ý để anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu H sau khi vợ chồng ly hôn. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị và anh P sẽ tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đặng Văn P nhiều lần vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2019 anh P trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn anh nhất trí với trình bày của chị G. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định từ ngày hai vợ chồng xây nhà thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị G là người vợ nhưng không quan tâm đến việc xây nhà, không có trách nhiệm gì với gia đình. Khi xây nhà, do bản thân anh là người phải chịu áp lực kinh tế nên có lần không kiềm chế được anh đã to tiếng với chị G và hai vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn chị G tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn, chặn điện thoại và zalo nên anh không liên lạc được. Anh đã đến nhà bố mẹ chị G nói chuyện nhưng chị G không đồng ý về đoàn tụ. Anh xác định hai vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm, bản thân anh đã cố gắng để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng chị G không có thiện chí đoàn tụ, không có trách nhiệm gì với gia đình, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Nay, chị G xin ly hôn anh có ý kiến là chị G làm đơn ly hôn không trao đổi gì với anh, chị G cần liên lạc với anh để trao đổi về việc ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Giang có 01 con chung là Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 06/6/201x. Cháu H hiện học mầm non ở xã T, sức khỏe tốt. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu H do anh trực tiếp nuôi dưỡng, thỉnh thoảng chị G có đến đón con đi chơi nhưng không vào nhà. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu H vì cháu H đã ở ổn định cùng anh từ khi sinh ra đến nay. Anh hiện có công việc ổn định, thu nhập trung bình từ 8.000.000đồng đến 10.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng tiền nuôi con

chung. Anh không đồng ý để chị G nuôi con vì chị Giang là người không có trách nhiệm với gia đình, không chăm con tốt.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh nhất trí với ý kiến của chị G, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Nguyễn Quốc Ph là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Thùy G có ý kiến: Từ tháng 6 năm 2017 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị G về nhà ông sinh sống cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể ông không biết, chỉ biết vợ chồng chị G thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Khi chị G về nhà ông thì anh P có đến nhà ông gặp chị G nhưng lại không có thiện chí hòa giải, xin lỗi mà còn to tiếng chửi bới. Nay, chị G xin ly hôn ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị G để mỗi bên được ổn định cuộc sống. Về con chung và tài sản chung của anh, chị ông không có ý kiến gì.

* Bà Đào Thị C là mẹ đẻ của anh Đặng Văn P có ý kiến: Bà về sống cùng anh P tại thôn C, xã T từ khoảng tháng 9/2017 đến nay. Khi bà về thì vợ chồng anh P không còn chung sống cùng nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh P thì bà không biết. Anh P là người tu chí làm ăn, khi vợ chồng làm nhà do thấy chị G không chăm lo gì cho gia đình, không quan tâm đến việc xây nhà nên nhiều khi nóng tính anh P có to tiếng với chị G cũng chỉ muốn chị G thay đổi. Tuy nhiên, chị G lại tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, không có trách nhiệm gì với gia đình. Nhiều lần anh P đến nhà chị G nói chuyện nhưng chị G không nghe. Bà mong muốn hai vợ chồng cùng suy nghĩ lại vì con. Nếu chị G kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị G và anh P có 01 con chung là Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 06/6/201x. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu H do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, bà ở cùng nên cùng hỗ trợ anh P trong việc chăm sóc nuôi dạy cháu H. Nếu anh P và chị G ly hôn, bà mong muốn Tòa án giao cháu H cho anh P nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh P.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị G và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bà cũng không có ý kiến gì.

* Tại Biên bản xác minh ngày 20/3/2019, Ủy ban nhân dân xã T nơi chị G và anh P sinh sống có ý kiến:

Chị G là người địa phương, năm 2012 chị G và anh P đăng ký kết hôn tại xã P, huyện P, Thành phố H. Đến năm 2017, thì chị G và anh P về xây nhà và sinh sống tại thôn C, xã T. Quá trình xây nhà ở thì anh, chị xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Khi vợ chồng anh chị mâu thuẫn địa phương đã tiến hành hòa giải, anh P có nguyện vọng muốn đoàn tụ nhưng chị G kiên quyết muốn ly hôn. Từ khoảng tháng 3/2018 thì chị G về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C sinh sống, anh P sống cùng mẹ và con cũng tại thôn C, vợ chồng không sống cùng nhau. Chị G và anh P đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay, chị G xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh, chị đoàn tụ, nếu chị G vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị G, anh P có 01 con chung là cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 201x. Hiện, cháu H đang sống cùng anh P và bà nội, thỉnh thoảng chị G có đến đón con đi chơi. Khi ly hôn chị G và anh P đều có nguyện vọng được nuôi con,

trong đó anh P tha thiết muốn được nuôi con và thực tế từ khi anh, chị ly thân thì cháu H vẫn do anh P và bà nội nuôi dưỡng và khỏe mạnh. Trường hợp anh, chị ly hôn địa phương đề nghị Tòa án xem xét giao cháu H cho anh P nuôi dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh P, chị G không đề nghị Tòa án giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, có mặt chị G vắng mặt anh P, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện các lời khai đã khai trước đây. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên chị kiên quyết xin ly hôn anh P để mỗi bên được ổn định cuộc sống riêng. Nếu ly hôn, chị đồng ý để anh P nuôi cháu H, việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội thẩm trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối xét xử, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G; về con chung giao con chung là Đặng Thị Ngọc H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị G. Về tài sản chung, nợ chung, công sức không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn đối với bị đơn là anh Đặng Văn P, sinh năm 198x, Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã P, huyện P, Thành phố H và hiện cư trú tại thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H. Do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “tranh chấp về ly hôn” và Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Đặng Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, Thành phố H ngày 21/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Tại các biên bản làm việc, biên bản ghi lời khai của chị G, anh P, đại diện gia đình và chính quyền địa phương đều xác định quá trình chung sống vợ chồng chị G, anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi chửi nhau do bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 8/2017 chị G đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Tháng 3/2018, chị G đã nộp đơn xin ly hôn anh P đến Tòa án, sau khi được Tòa án

hòa giải chị G đã rút đơn về để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn anh P. Anh P xác định bản thân anh đã cố gắng hàn gắn nhưng do chị G không có thiện chí nên quan hệ vợ chồng không được cải thiện.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh P đã trầm trọng, kéo dài, chị G đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H sinh sống. Chị G xác định không còn tình cảm với anh P và cương quyết ly hôn. Anh P không có giải pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Bản thân anh P có nguyện vọng muốn hòa giải, đoàn tụ nhưng cũng không đến Tòa án làm việc, không tham gia buổi hòa giải do Tòa án tổ chức. Xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện, cố gắng xây dựng gia đình của cả vợ và chồng, đến nay, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn khả năng hàn gắn, thực tế chị G và anh P đã sống ly thân từ tháng 8/2017. Việc chị G xin ly hôn anh P là có sở sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị G đối với anh P.

Về con chung: Anh P, chị G có một con chung là Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 06/6/201x. Ly hôn, nguyện vọng của anh P xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị G có cũng có lời khai nếu vợ chồng ly hôn thì chị đồng ý để anh P nuôi cháu H và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh P là chính đáng, anh có chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, thực tế hiện nay anh đang trực tiếp nuôi cháu H. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác, tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị G và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 58 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy G xin ly hôn đối với anh Đặng Văn P. Chị Nguyễn Thị Thùy G được ly hôn anh Đặng Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 06/6/201x cho anh Đặng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Tạm hoãn việc cấp nuôi con chung cho chị Giang cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thùy G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2016/0001805 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thùy G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đ;
- TAND TP. H;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P, huyện P, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 6x2, quyền số 01 ngày 21/11/2012).
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Anh Tuấn

(Đã ký)